



BIẾN ĐỘNG GIÁ HÀNG HÓA VÀ CƠ HỘI ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN CUỐI NĂM 2024

Kính gửi Quý khách hàng,

Diễn biến giá hàng hóa thế giới trong 02 năm qua biến động mạnh do ảnh hưởng bởi các bất ổn địa chính trị và nguồn cung thắt chặt tại một số quốc gia. Với độ mở xuất nhập khẩu lớn, kết quả kinh doanh nhiều doanh nghiệp trong nước đã và đang chịu ảnh hưởng bởi diễn biến giá hàng hóa, đặc biệt tại các ngành có cấu trúc chi phí nguyên vật liệu đầu vào lớn. Agriseco Research kính gửi Quý khách hàng báo cáo nghiên cứu diễn biến giá hàng hóa hiện nay và triển vọng 6 tháng cuối năm; thông qua đó đưa ra kỳ vọng về những nhóm doanh nghiệp được hưởng lợi/bị ảnh hưởng.

Kính chúc Quý khách đầu tư hiệu quả!

I. TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA TOÀN CẦU

CRB Commodity Index



Nguồn: Agriseco Research tổng hợp

- **Giá hàng hóa thế giới có mức tăng tốt từ đầu năm** với Chỉ số Refinitiv CoreCommodity CRB Index – chỉ số tổng hợp giá cả của 22 loại hàng hóa chính đã tăng khoảng 15,4% so với đầu năm và cách mức đỉnh thiết lập từ tháng 5.2022 khoảng 3%. Giá hàng hóa đã chịu áp lực giảm trong năm 2023 từ sự chậm lại của nền kinh tế toàn cầu và nguồn cung được cải thiện. Tuy nhiên bất ổn địa chính trị tại các quốc gia trên thế giới và cuộc chiến tại Biển Đỏ đã khiến giá một số hàng hóa tăng cao trở lại. Điều này ảnh hưởng lớn đến nhiều ngành kinh doanh đặc biệt là các ngành có cấu trúc chi phí nguyên vật liệu đầu vào chiếm tỷ lệ lớn.
- **Dự báo giá hàng hóa duy trì ở mức cao các tháng cuối năm** mặc dù giá nông sản dự kiến giảm khi nguồn cung được cải thiện tuy nhiên giá năng lượng vẫn sẽ neo ở mức cao do căng thẳng địa chính trị sẽ tiếp tục tác động đến nguồn cung. Ngoài ra, tình trạng tắc nghẽn cảng toàn cầu do sự chuyển hướng ở Biển Đỏ làm gián đoạn hoạt động vận tải biển toàn cầu đã và đang khiến giá cước vận chuyển hàng hóa tăng cao.



II. DIỄN BIẾN VÀ XU HƯỚNG GIÁ MỘT SỐ HÀNG HÓA

	Loại hàng hóa	Đơn vị	Giá	% thay đổi giá một năm	Đầu vào	Đầu ra
Năng lượng	Dầu WTI	USD/thùng	81,54	17%	PVT, HAH	GAS, BSR
	Dầu Brent	USD/thùng	84,41	17%	PVT, HAH	GAS, BSR
	Xăng	USD/gal	2,52	4%	HVN, VJC, VTP	PLX, OIL
	Khí tự nhiên	USD/gal	2,6	-1%	DPM, DCM, POW, NT2	GAS, CNG
	Than	USD/oz	133,2	4%	QTP, HND, HT1, BCC	HLC, NBC, TC6
Thực phẩm-Nông sản	Đường	USD/lb	20,3	-10%	VNM, GTN	QNS, SLS, LSS, SBT
	Đậu tương	USD/bu	1133,5	-11%	DBC, BAF	
	Lúa mì	USD/bu	573,5	-13%	DBC, BAF	
	Ngô	USD/bu	420,75	-14%	DBC, BAF	
	Sữa nguyên liệu	USD/cwt	19,93	41%	VNM, MCM, QNS	
	Heo hơi	VNĐ/kg	66.000	9%		DBC, HAG, BAF
	Cotton	USD/lb	63,19	-24%	ADS, HTG	MSH, TNG, TCM
	Cao su	JPY/kg	168,2	28%	DRC, SRC, CSM	DPR, PHR, GVR
Công nghiệp	Phân bón	USD/tấn	312,5	0%	LTG, TAR, PAN, NSC	DPM, DCM
	Hạt nhựa PVC	CNY/tấn	5936	3%	BMP, NTP	
	Thép xây dựng	CNY/tấn	3301	-12%	HBC, CTD, FCN, C4G	HPG, NKG, HSG
	Thép HRC	USD/tấn	674	-25%	HSG, NKG, HBC, CTD	HPG
	Vàng	USD/t.oz	2326	21%	PNJ	
	Nhôm	USD/tấn	2524,5	17%		CAV, VTH
	Đồng	USD/lbs	4,4	17%		MSR
	Quặng sắt	USD/tấn	106,5	-5%	HPG, HSG, NKG	

Nguồn: Bloomberg, Investing, Agriseco Research tổng hợp

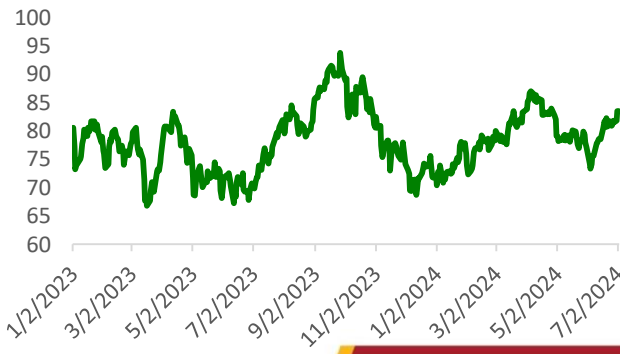
1. GIÁ NĂNG LƯỢNG:

1.1 Giá dầu:

Giá dầu Brent (USD/thùng)



Giá dầu WTI (USD/thùng)



Nguồn: Investing, Agriseco Research tổng hợp



Diễn biến giá dầu: Tính đến hết tháng 6/2024, giá dầu Brent đạt mức 84,4 USD/thùng, tăng 17% svck và tăng 5,2% so với trung bình cả năm 2023. Nguyên nhân là do các căng thẳng địa chính trị trên thế giới như: (1) Chiến tranh Israel- Hamas; (2) Căng thẳng tại Trung Đông; (3) OPEC cắt giảm sản lượng.

Dự báo giá dầu có thể tiếp tục neo ở mức cao nhờ: (1) OPEC tiếp tục duy trì cắt giảm sản lượng; (2) Xung đột địa chính trị vẫn phức tạp và (3) Kỳ vọng kinh tế toàn cầu hồi phục nhờ các NHTW trên thế giới nới lỏng chính sách tiền tệ từ nửa cuối năm 2024.

1.2 Giá than và khí tự nhiên:

Diễn biến giá than: Tính đến hết tháng 6/2024, giá than Úc đạt 133,2 USD/tấn, tăng 4,3% svck tuy nhiên vẫn giảm 23% so với trung bình cả năm 2023 do nhu cầu sụt giảm tại Trung Quốc và nguồn cung gia tăng sau khi các trận mưa lớn kết thúc.

Dự báo giá than năm 2024 tiếp tục duy trì ở mức thấp, đạt 125 USD/ tấn, giảm 28% so với năm 2023, do nguồn cung tại các quốc gia sản xuất lớn như Úc, Brazil tăng lên nhờ tăng công suất trong khi nhu cầu từ thị trường thép vẫn chưa tích cực. Nhu cầu được dự báo đã đạt đỉnh vào năm 2023 và sẽ giảm dần từ năm 2024 với triển vọng gia tăng năng lượng tái tạo.

Giá khí tự nhiên duy trì xu hướng giảm từ đầu năm 2023: Tính đến hết tháng 6/2024, giá khí đạt mức trung bình 2,6 USD/gal, đi ngang so với cùng kỳ tuy nhiên vẫn giảm gần 3% so với trung bình năm 2023.

Theo World bank, giá khí trung bình sẽ giảm khoảng 28% vào năm 2024 do tồn kho tăng cao và nguồn cung gia tăng từ Nga và Mỹ, sau đó phục hồi mạnh vào năm 2025.

2. GIÁ NÔNG SẢN:

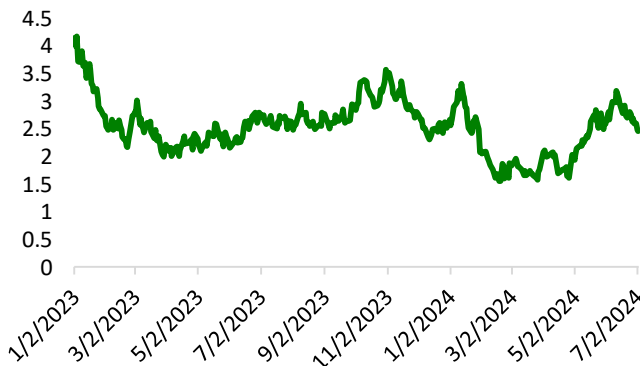
2.1 Giá đường:

Diễn biến giá đường: Giá đường giảm sau khi đã đạt đỉnh vào năm 2023 do nguồn cung đường cao hơn dự kiến vào cuối niên vụ 2023/2024. Giá đường có thể tiếp tục xu hướng giảm bởi nguồn cung đường toàn cầu gia tăng khi thời tiết chuyển sang pha La Nina, giảm 3% so với năm 2023.

Giá than (USD/oz)



Giá khí tự nhiên (USD/gal)



Giá đường (USD/Lbs)



Nguồn: Investing, USDA, Agriseco Research tổng hợp



2.2 Giá cao su:

Diễn biến giá cao su: Giá cao su đang neo ở mức cao và trong xu hướng tăng giá từ giữa năm 2023. Dự báo giá cao su tiếp tục neo ở mức cao bởi (1) Nhu cầu ngày càng tăng từ ngành công nghiệp xe điện của Trung Quốc; (2) Mưa lớn kéo dài ảnh hưởng đến nguồn cung tại Thái Lan và Indonesia.

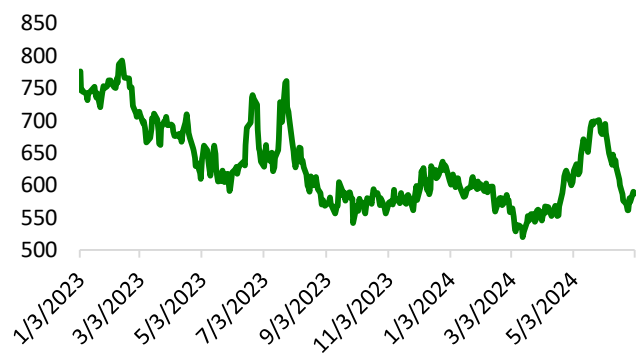
2.3 Giá lúa mì, đậu tương:

Diễn biến giá: Theo thông tin từ Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp, sản lượng các mặt hàng nông sản chính sẽ tăng trong niên độ 2023-2024 khiến giá một số loại nông sản như lúa mì, đậu tương đã giảm. Chỉ số giá lương thực giảm khoảng 4% trong quý 1/2024. Trong đó giá lúa mì giảm do sản lượng gia tăng mạnh mẽ từ Nga.

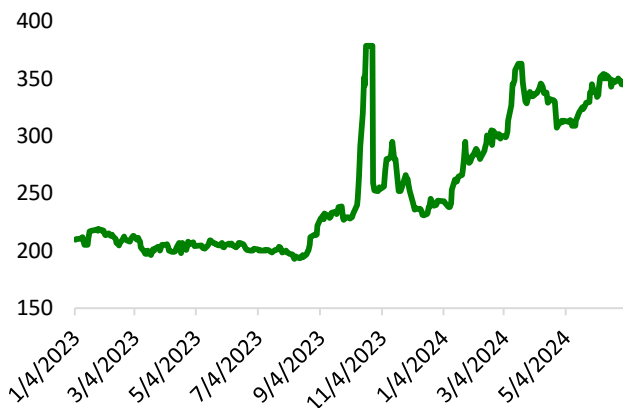
Chỉ số giá gạo toàn cầu cũng giảm do nguồn cung tăng khi Philippines và Bangladesh bước vào mùa thu hoạch. Tuy nhiên USDA dự báo tồn kho gạo niên độ 2023-2024 vẫn duy trì ở mức thấp, giảm 5,8 triệu tấn so với niên vụ trước hỗ trợ giá gạo trong nửa cuối năm 2024.

Theo Worldbank, chỉ số giá lương thực thế giới sẽ giảm 6% vào năm 2024 và tiếp tục giảm 4% vào năm 2025.

Giá lúa mì (USD/bu)

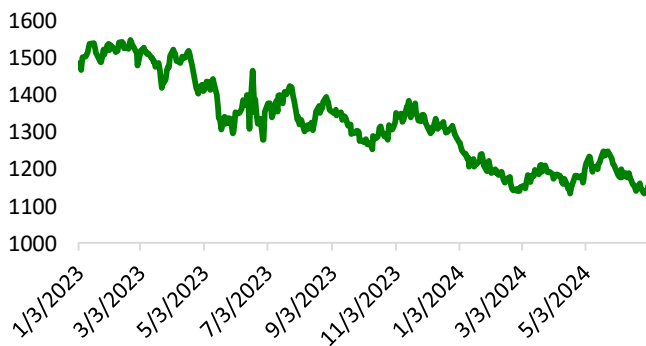


Giá cao su (JPY/kg)



Nguồn: Investing, Agriseco Research tổng hợp

Giá đậu tương (USD/bu)

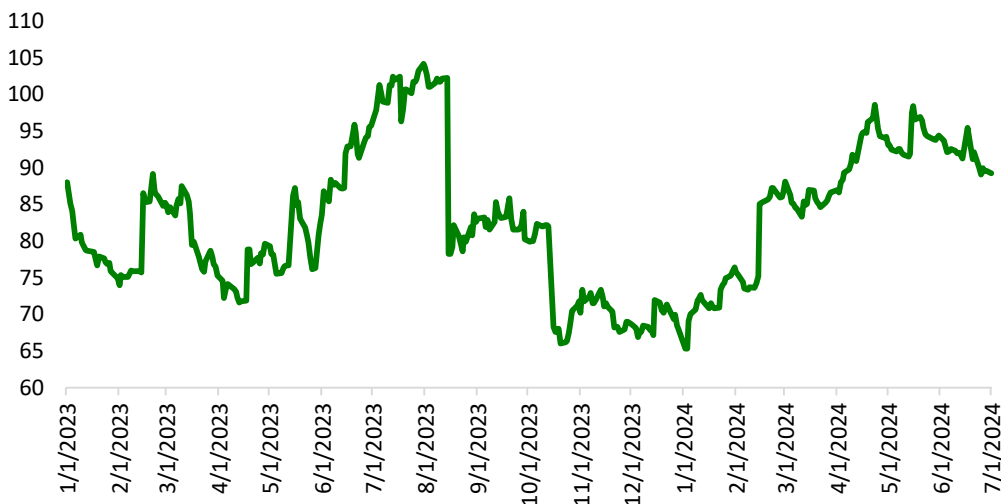


Nguồn: Investing, Agriseco Research tổng hợp

2.4 Giá heo:

Diễn biến giá heo: Giá heo hơi tăng liên tục từ đầu năm tới nay và đạt gần 90 USD/Lbs, tăng 12,5% so với trung bình năm 2023. Tại Việt Nam, tính đến cuối tháng 6, giá heo hơi trung bình cả nước đạt 66.000đ/kg, tăng 9% so với cùng kỳ năm trước và tăng 33% so với đầu năm. Nguyên nhân giá heo hơi tăng cao chủ yếu là do thiếu hụt nguồn cung sau đợt dịch tả lợn châu Phi bùng phát hồi cuối năm 2023.

Giá heo có thể tiếp tục xu hướng tăng bởi nguồn cung sẽ còn tiếp tục thiếu hụt trong vài tháng tới do lo ngại về dịch bệnh trong khi đó nhu cầu thịt lợn sẽ gia tăng nhờ ngành du lịch, dịch vụ phục hồi.

**Giá thịt lợn (USD/Lbs)****3. GIÁ PHÂN BÓN, HÓA CHẤT****3.1 Giá phân bón:**

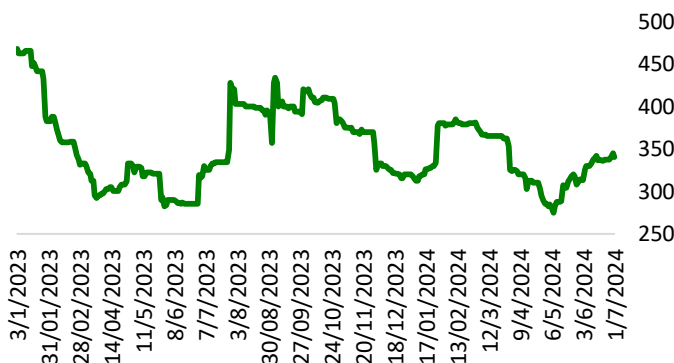
Giá phân ure đang trong xu hướng giảm kể từ đầu năm 2023 do: (1) Hàng tồn kho tăng cao do nhu cầu tại các nước nhập khẩu thấp; (2) Nguồn cung tại một số quốc gia như Malaysia, Indonesia được cải thiện. Tuy nhiên giá ure đã bắt đầu hồi phục sau khi chạm đáy vào tháng 5/2024 nhờ: (1) Giá khí đốt tự nhiên hồi phục; (2) Cuộc tấn công tại Biển Đỏ khiến giá cước vận tải tăng cao.

Trong nửa cuối 2024, giá ure dự kiến sẽ trong xu hướng giảm dài hạn tuy nhiên sẽ tăng nhẹ so với mức giảm hồi tháng 5/24 nhờ: (1) Nguồn cung hạn chế do Trung Quốc và Nga vẫn tiếp tục hạn chế xuất khẩu và (2) Giá các mặt hàng nông sản đang hạ nhiệt và sẽ thúc đẩy nhu cầu trồng trọt qua đó nhu cầu sử dụng ure trong thời gian tới tăng.

3.2 Giá hạt nhựa:

Giá hạt nhựa tăng tích cực trong 6 tháng đầu năm do tồn kho hạt nhựa trên thế giới ở mức thấp nhờ nhu cầu hạ nguồn trong ngành xây dựng tăng lên. Tính đến hết tháng 6/2024, giá hạt nhựa PVC đạt 5.936 CNY/tấn, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước. Giá hạt nhựa có tương quan thuận với giá dầu hay giá khí, do vậy với việc giá dầu được dự báo duy trì ở mức cao, giá hạt nhựa có thể tiếp tục kéo dài xu hướng hồi phục trong năm 2024.

Nguồn: Investing, Agriseco Research tổng hợp

Giá ure (USD/tấn)**Giá hạt nhựa PVC (CNY/tấn)**

Nguồn: Investing, Agriseco Research tổng hợp



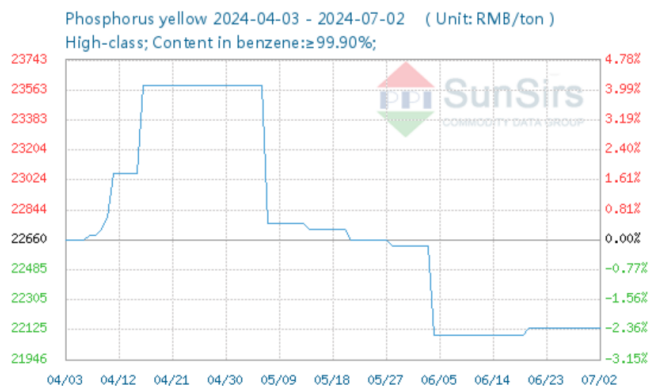
3.3 Giá hóa chất:

Giá phốt pho vàng đang trong xu hướng giảm kể từ đầu năm trở lại đây. Hiện tại, giá phốt pho vàng đang ở mức 22.133 RMB/tấn, giảm khoảng 8% kể từ đầu năm do nhu cầu sản xuất chất bán dẫn trên thế giới giảm tốc.

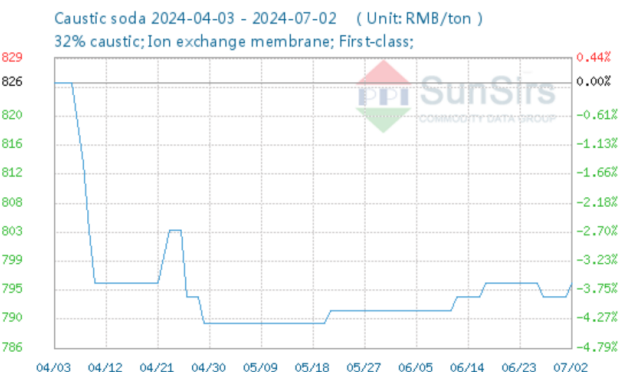
Giá xút đang duy trì xu hướng đi ngang sau khi phục hồi ngắn hạn và đạt đỉnh vào tháng 3 năm 2024 nhờ nguồn cung xút tại Trung Quốc thiếu hụt. Tính đến cuối tháng 6, giá xút đang giao dịch ở mức 793 RMB/tấn. Nhu cầu tiêu thụ xút vẫn gặp nhiều áp lực do các ngành công nghiệp như dệt may, nhôm, giấy vẫn gặp nhiều khó khăn.

Giá xút, phốt pho vàng có thể đã tạo đáy và đi lên trong nửa cuối năm 2024 nhờ các ngành công nghiệp dệt may, hóa chất hồi phục trong bối cảnh các Ngân hàng Trung ương trên thế giới bắt đầu cắt giảm lãi suất.

Giá phốt pho vàng Trung Quốc (CNY/tấn)



Giá xút Trung Quốc (CNY/tấn)



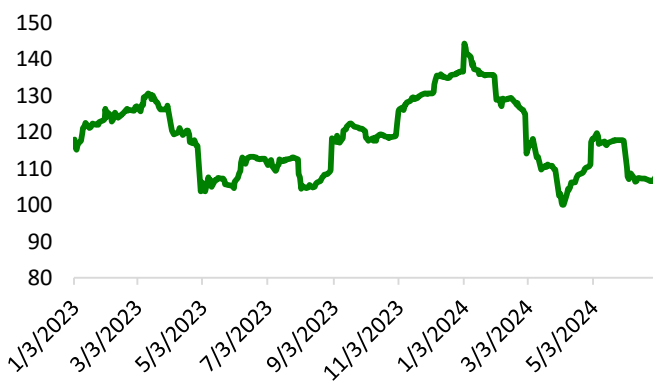
Nguồn: SunSirs

4. GIÁ KIM LOẠI:

Giá thép thanh (CNY/tấn)



Giá quặng sắt (USD/tấn)



Nguồn: Investing, Agriseco Research tổng hợp

Giá thép Trung Quốc tiếp tục giảm hơn 10% so với cùng kỳ năm trước bất chấp chính phủ Trung Quốc đưa ra một loạt các gói hỗ trợ trị giá khoảng 42 tỷ USD nhằm khuyến khích các doanh nghiệp mua lại những căn nhà tồn đọng và cải tổ thành nhà ở giá rẻ. Tại Việt Nam, giá thép vẫn đang duy trì xu hướng đi ngang trong bối cảnh tồn kho thấp và nhu cầu hồi phục chưa mạnh mẽ.



Giá quặng sắt có diễn biến đồng pha với giá thép. Tính đến cuối tháng 6/2024, giá quặng sắt giảm khoảng 5% so với cùng kỳ năm 2023, đạt 106,5 USD/tấn.

Triển vọng giá thép: Giá thép Trung Quốc có thể sẽ đi ngang trong phần còn lại của năm 2024 và khó tăng mạnh do triển vọng nền kinh tế toàn cầu kém khả quan và thị trường BĐS tại Trung Quốc vẫn khó khăn. Đối với thị trường trong nước, tiêu thụ thép xây dựng trong Q2.2024 được dự báo sẽ cải thiện và phục hồi rõ nét hơn kể từ cuối Q4.2024 nhờ (1) Các chính sách tháo gỡ vướng mắc về pháp lý và vốn của Chính phủ được thẩm thấu vào thị trường BĐS; (2) Năm 2024 là năm trọng điểm giải ngân các công trình hạ tầng giao thông lớn giúp thúc đẩy nhu cầu thép. Do đó kỳ vọng giá thép sẽ tăng nhẹ vào cuối năm do nhu cầu phục hồi sẽ chậm trong bối cảnh các chính sách hỗ trợ cần thêm thời gian để thẩm thấu vào nền kinh tế.

III. DỰ BÁO XU HƯỚNG GIÁ MỘT SỐ HÀNG HÓA

	Loại hàng hóa	Dự báo xu hướng	Đánh giá nhanh
Năng lượng	Dầu thô	Tăng	Theo EIA, giá dầu được dự báo sẽ đạt mức 84 USD/thùng vào năm 2024, cao hơn 2,4% trung bình năm 2023 nhờ: (1) Kỳ vọng Fed cắt giảm lãi suất vào cuối năm 2024 và (2) Rủi ro địa chính trị tại một số quốc gia; (3) Việc gia hạn cắt giảm sản lượng tự nguyện của OPEC khiến tồn kho dầu toàn cầu tiếp tục giảm đến Q1.25
	Xăng	Tăng	Theo EIA, dự báo giá xăng sẽ đạt 3,4 USD/Gal, tăng 41% so với mức giá vào giữa tháng 6.2024
	Khí tự nhiên	Giảm	Giá khí tự nhiên ở Châu Âu được dự báo đạt trung bình 2,5 USD/MMBtu, giảm 28% so với năm 2023 chủ yếu bởi lượng tồn kho ở mức cao
	Than	Giảm	Giá than dự báo sẽ tiếp tục giảm do nguồn cung tại Úc, Brazil tăng lên đồng thời chịu tác động tiêu cực từ xu hướng dịch chuyển sang năng lượng tái tạo
Nông sản	Đường	Giảm	Giá đường có thể tiếp tục xu hướng giảm do sản lượng đường được dự báo cao hơn dự kiến nhờ sự suy yếu của pha thời tiết El Nino. Tuy nhiên giá đường sẽ không giảm mạnh do Ấn Độ vẫn duy trì lệnh cấm xuất khẩu đường và được dự báo sẽ giảm 3% so với trung bình năm 2023
	Heo hơi	Tăng	Giá heo có thể tiếp tục xu hướng tăng trong thời gian tới bởi nguồn cung sụt giảm. Trong khi đó, ngành du lịch, dịch vụ phục hồi là động lực giúp cho nhu cầu tiêu thụ thịt heo tăng lên. Xu thế mất cân đối cung- cầu sẽ hỗ trợ giá heo trong thời gian tới
	Đậu tương, lúa mì, ngô	Giảm	Theo Worldbank, giá lúa mì, ngũ cốc, đậu tương tiếp tục giảm trong năm 2024 nhờ sản lượng từ niên vụ 2023-2024 tăng lên. Qua đó giá thức ăn chăn nuôi cũng được dự báo giảm

Nguồn: Agriseco Research tổng hợp từ các nguồn World Bank, USDA, IEA, IFA



	Loại hàng hóa	Dự báo xu hướng	Đánh giá nhanh
Nông sản	Gạo	Tăng	Giá gạo bình quân năm 2024 dự báo sẽ duy trì ở mức cao trong năm 2024 và tăng 8% so với năm trước trong bối cảnh thời tiết bất lợi khiến nguồn cung vẫn thắt chặt và sản lượng sụt giảm do hạn chế xuất khẩu bởi Ấn Độ. Tuy nhiên pha El Nino đã kết thúc vào tháng 5/2024 giúp những hạn chế về bất lợi thời tiết giảm bớt trong năm 2025, dự báo giá gạo sẽ giảm 8%
	Sữa nguyên liệu	Giảm	Nhập khẩu tại Trung Quốc giảm do sản lượng nội địa cao khiến giá sữa bột chưa thực sự khả quan. Theo USDA, nhu cầu nhập khẩu sữa nguyên kem của Trung Quốc sẽ giảm 3% trong năm 2024
	Cotton	Đi ngang	Giá cotton được dự báo sẽ đi ngang trong năm 2024 trong bối cảnh sản lượng tại các nước xuất khẩu như Trung Quốc, Hoa Kỳ, Ấn Độ sụt giảm trong khi đó nhu cầu các đơn hàng dệt may vẫn chưa hồi phục mạnh
	Cao su	Tăng	Giá cao su được dự báo sẽ ở mức cao bởi (1) Nhu cầu phục vụ ngành sản xuất xăm lốp phục hồi, đặc biệt tại thị trường Trung Quốc; (2) Sản lượng dự báo giảm tại Thái Lan và Indonesia do chuyển giao thời tiết giữa pha El Nino và La Nina.
Công nghiệp	Phân bón	Tăng nhẹ	Dự báo giá ure có thể tăng nhẹ trong thời gian tới nhờ: (1) Nguồn cung toàn cầu sẽ tiếp tục thắt chặt do Nga và Trung Quốc hạn chế xuất khẩu để ổn định thị trường trong nước và (2) Nhu cầu tiêu thụ được dự báo tăng 1,4% so với năm 2023
	Hạt nhựa PVC	Tăng	Tồn kho hạt nhựa trên thế giới ở mức thấp cùng với mặt bằng giá dầu duy trì ở mức cao góp phần giúp giá hạt nhựa tiếp tục xu hướng hồi phục trong năm 2024
	Thép xây dựng	Tăng nhẹ	Giá thép thế giới có thể đi ngang trong nửa cuối năm 2024 bởi triển vọng kinh tế toàn cầu kém khả quan, thị trường BĐS ở Trung Quốc vẫn ảm đạm. Đối với thị trường trong nước, tiêu thụ thép xây dựng trong được đánh giá sẽ tích cực nhờ nhu cầu từ thị trường xây dựng dân dụng và xây dựng hạ tầng do đó hỗ trợ giá thép trong thời gian tới
	Quặng sắt	Giảm	Theo World bank, giá quặng sắt bình quân năm 2024 giảm 9,1% so với năm 2023 do nhu cầu từ thị trường Bất động sản còn thấp
	Vàng	Tăng	Giá vàng có thể tiếp tục xu hướng tăng trong năm 2024 nhờ (1) Kỳ vọng FED sẽ hạ lãi suất vào năm 2024 qua đó khiến chỉ số sức mạnh đồng dollar suy yếu, hỗ trợ cho giá vàng; (2) Bất ổn địa chính trị và các quốc gia tăng tích trữ vàng khiến nhu cầu gia tăng

Nguồn: Agriseco Research tổng hợp từ các nguồn World Bank, USDA, IEA, IFA

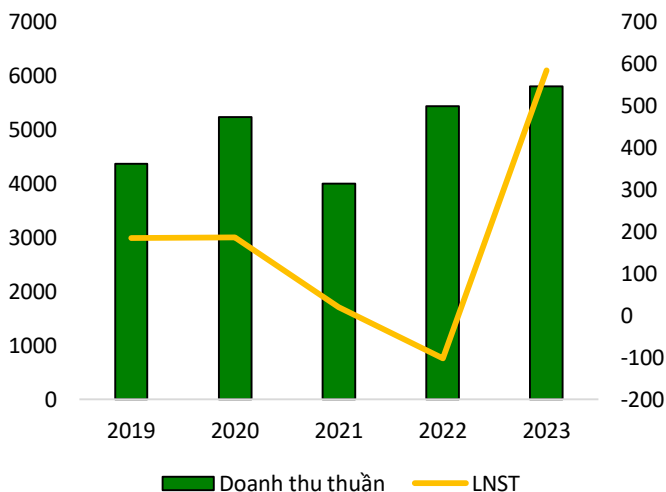


IV. CỔ PHIẾU TIỀM NĂNG

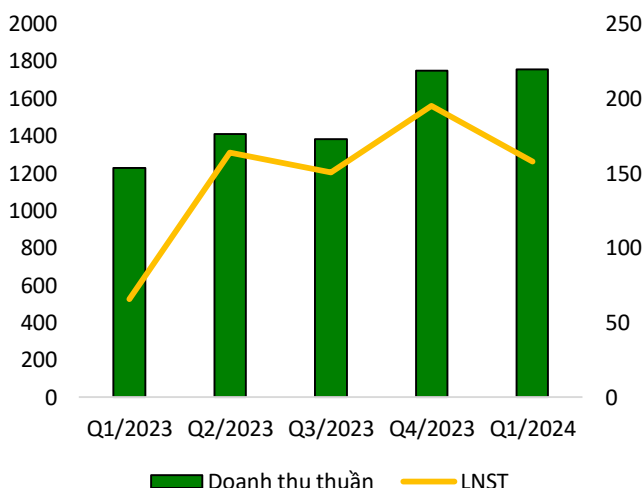
Tổng CTCP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (HOSE: PVD) – Giá mục tiêu: 35.000 đồng/cp

- ❖ **Giá dầu duy trì ở mức cao:** Giá dầu được dự báo neo ở mức cao trong thời gian tới nhờ: (1) Căng thẳng địa chính trị tại Israel và Hamas; (2) Nhu cầu tăng từ Trung Quốc nhờ kinh tế phục hồi và (3) OPEC thống nhất duy trì cắt giảm sản lượng. Theo EIA (Cơ quan Năng lượng Mỹ) giá dầu được dự báo sẽ duy trì quanh mức 84 USD/thùng là điều kiện thúc đẩy các dự án thượng nguồn trên toàn cầu.
- ❖ **Hưởng lợi từ dự án Lô B – Ô Môn:** PVD là một trong những doanh nghiệp thượng nguồn được hưởng lợi khá sớm từ dự án Lô B – Ô Môn. PVD có thể tham gia vào giai đoạn đầu của dự án với khoảng 5 giếng thăm định và khoảng 80 giếng khai thác. Tổng chi phí khoan ước tính có thể lên đến 400 triệu USD cho giai đoạn này. Trong giai đoạn từ khi đón dòng khí đầu tiên tới hết vòng đời của dự án, sẽ có khoảng hơn 900 giếng khoan được khai thác. Kỳ vọng dự án sẽ có FID vào quý III/2024 giúp đảm bảo khối lượng công việc lớn cho PVD vào năm 2024 và năm 2025
- ❖ **KQKD khả quan trong năm 2024:** Q1/2024, PVD ghi nhận LNST đạt 157,9 tỷ đồng, tăng 140% svck nhờ giá cho thuê giàn khoan Jack Up tăng. Theo S&P Global dự báo nguồn cung giàn khoan vẫn khan hiếm đến hết tháng 1/2025 sẽ tiếp tục hỗ trợ cho giá cho thuê giàn khoan. Sau khi thoát lỗ vào năm 2023 và đạt KQKD tích cực vào quý I/24, kỳ vọng KQKD của PVD sẽ tăng trưởng khả quan trong năm 2024

KQKD năm PVD (tỷ đồng)



KQKD quý PVD (tỷ đồng)



Nguồn: Fiinpro, Agriseco Research tổng hợp

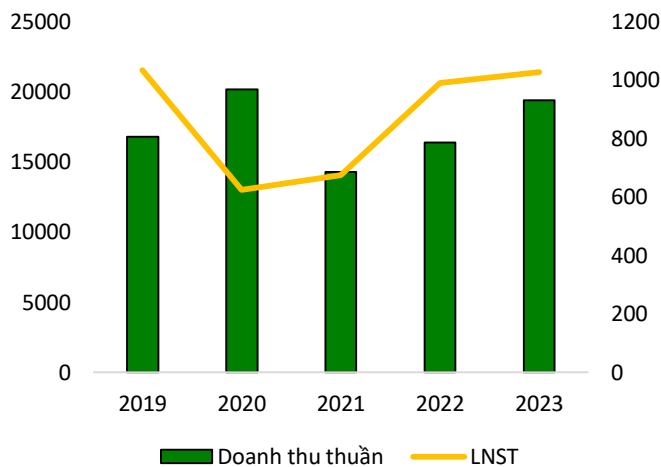


Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (HNX: PVS) – Giá mục tiêu 48.000 đồng/cp

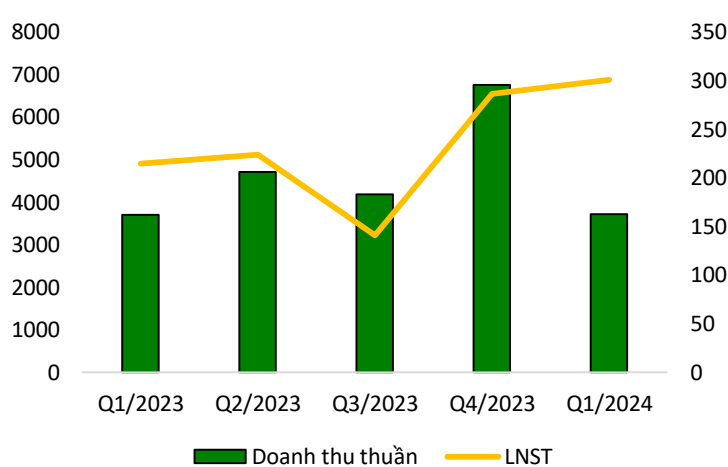
❖ **Hưởng lợi từ dự án Lô B – Ô Môn:** PVS là doanh nghiệp đầu tiên được hưởng lợi sau khi dự án Lô B – Ô Môn có quyết định đầu tư. Hiện PVS đã trúng gói thầu EPC1 (khoảng 1,1 tỷ USD) liên danh với MCDermott và EPC2 (khoảng 400 triệu USD). Kỳ vọng dự án sẽ có FID vào quý III/2024 giúp mang về cho PVS khối lượng công việc lớn trong giai đoạn 2024-2027

❖ **Hưởng lợi từ Quy hoạch điện VIII với việc thúc đẩy các nguồn năng lượng sạch như khí LNG hay điện gió ngoài khơi:** Vừa qua công ty con của PVS- PTSC M&C đã trúng thầu hợp đồng Tổng thầu EPCIC cho dự án phát triển mỏ dầu Lạc Đà Vàng ở vùng biển ngoài khơi Việt Nam. Theo Murphy Oil- chủ đầu tư dự án mỏ Lạc Đà Vàng dự án có quy mô đầu tư khoảng 693 triệu USD dự kiến sẽ mang lại nguồn việc lớn cho doanh nghiệp. Ngoài ra, mảng điện gió trong nước cũng còn nhiều tiềm năng khi công suất điện gió quy hoạch được tập trung đẩy mạnh. Với vị thế là đơn vị thành viên trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), PVS có nhiều lợi thế để trúng các gói thầu về dầu khí và điện gió ngoài khơi trong tương lai.

KQKD năm PVS (tỷ đồng)



KQKD quý PVS (tỷ đồng)



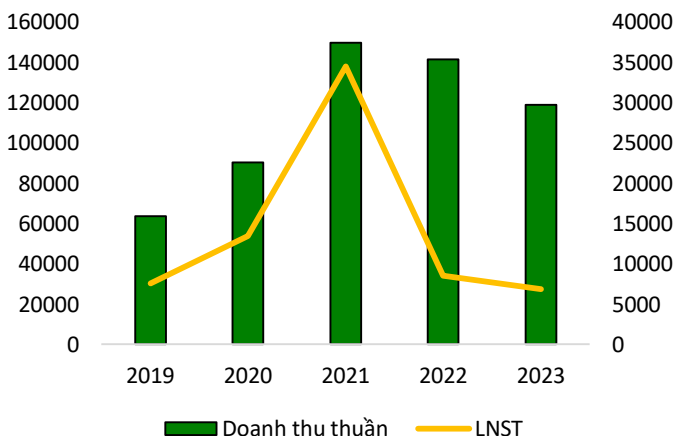
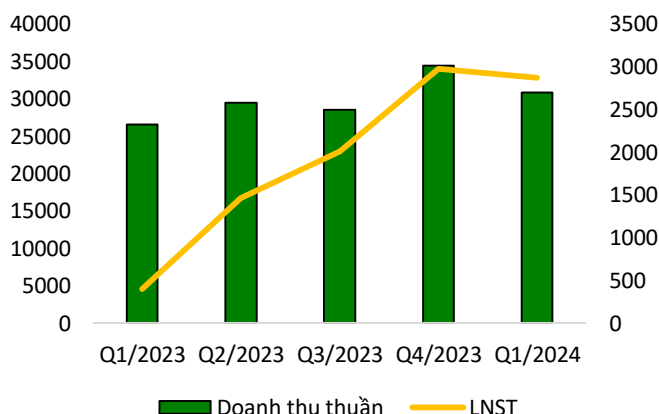
Nguồn: Fiinpro, Agriseco Research tổng hợp

**CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HOSE: HPG) – Giá mục tiêu 35.000 đồng/cp**

❖ **Kỳ vọng sản lượng tiêu thụ của HPG tiếp tục được cải thiện nhờ:** (1) Thị trường Bất động sản nội địa hồi phục: trong tháng 5, sản lượng bán hàng thép xây dựng của Hòa Phát đạt 436 nghìn tấn, tăng 54% so với cùng kỳ. Lũy kế 5T đầu năm sản lượng thép xây dựng đạt hơn 1,8 triệu tấn, tăng 36,7% svck là tín hiệu cho thấy thị trường xây dựng trong nước đang sôi động trở lại; (2) Kênh xuất khẩu sẽ tiếp tục tăng trưởng trong giai đoạn tới nhờ nhu cầu từ các thị trường xuất khẩu chính như Mỹ, châu Âu đẩy mạnh xây dựng hạ tầng; (3) Việc đẩy mạnh xây dựng công trình giao thông trọng điểm năm 2024 sẽ là động lực giúp doanh thu của ngành thép tăng trưởng trong giai đoạn cuối năm.

❖ **Biên lợi nhuận gộp dự báo sẽ tiếp tục được cải thiện nhờ giá nguyên vật liệu đầu vào giảm:** Tính từ đầu năm đến nay, giá than cốc và quặng sắt đã giảm khoảng 22% do nhu cầu tiêu thụ tại Trung Quốc vẫn yếu. Trong khi đó, giá thép nội địa đang duy trì xu hướng đi ngang và được dự báo sẽ tăng trong nửa cuối 2024 nhờ nhu cầu từ thị trường bất động sản giúp cải thiện biên lợi nhuận cho doanh nghiệp.

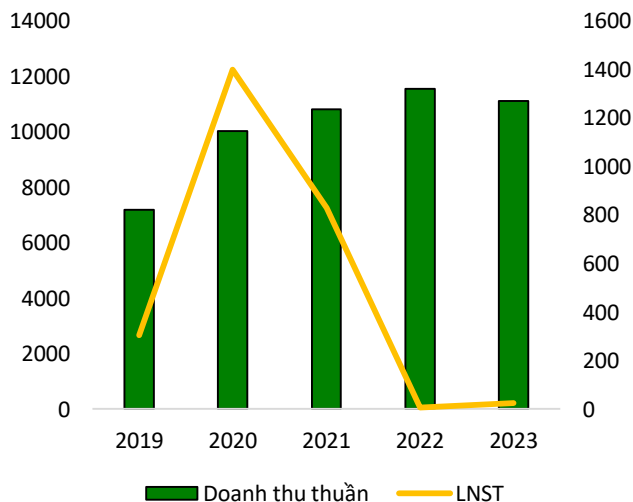
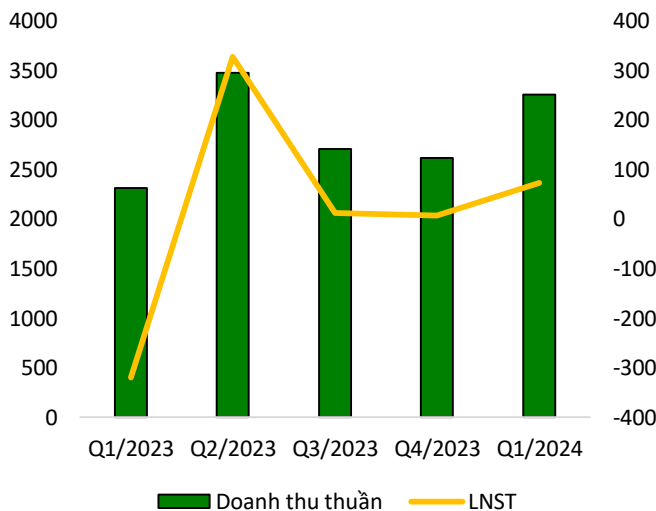
❖ **Dự án khu Liên Hợp Dung Quất 2 được kỳ vọng sẽ đi vào hoạt động từ quý 1/2025:** Theo thông tin từ doanh nghiệp, dự án dự kiến sẽ đi vào hoạt động giai đoạn 1 từ Q1/2025 với công suất là 2,3 triệu tấn/năm và hoàn thành toàn bộ vào tháng 9.2026. Sau khi hoàn thành, năng lực sản xuất thép thô của Hòa Phát sẽ đạt 14 triệu tấn/năm và dự kiến sẽ đóng góp khoảng 80 - 100 nghìn tỷ đồng doanh thu mỗi năm, là động lực tăng trưởng trong dài hạn của HPG

KQKD năm HPG (tỷ đồng)**KQKD quý HPG (tỷ đồng)**

Nguồn: Fiinpro, Agriseco Research tổng hợp

**CTCP Tập đoàn Dabaco (HOSE: DBC) – Giá mục tiêu 40.000 đồng/cp**

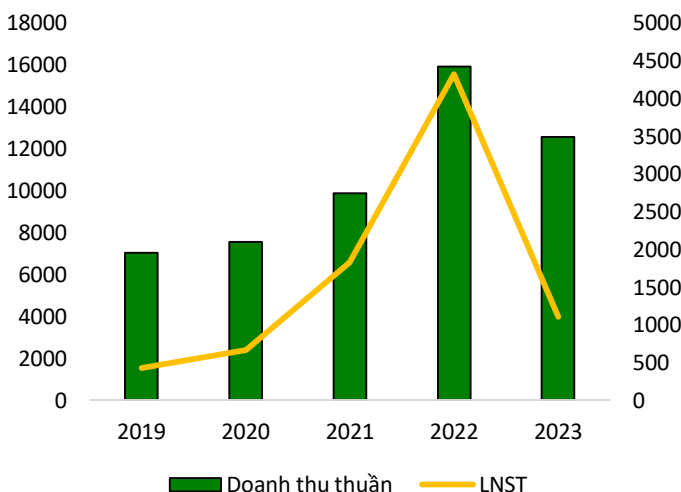
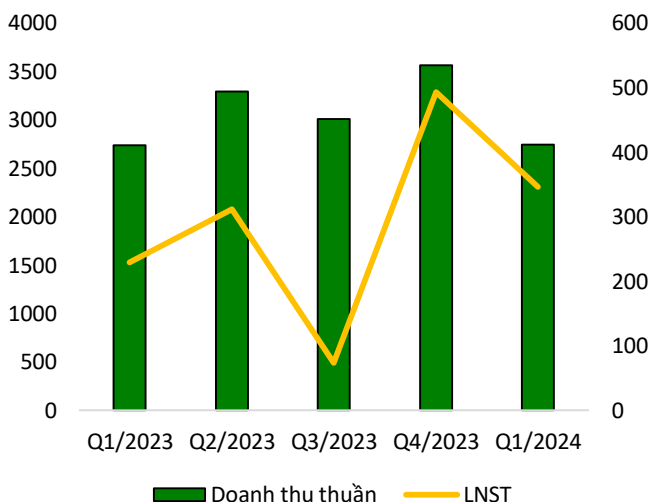
- ❖ **Giá nguyên liệu TACN hạ nhiệt giúp biên lợi nhuận gộp cải thiện:** Giá nguyên liệu TACN như ngô, lúa mì, đậu tương đang tiếp tục xu hướng giảm trong năm 2024 nhờ (1) Các nước dần khôi phục sản lượng sản xuất và xuất khẩu; (2) Thay đổi chu kỳ thời tiết sang La Nina giúp nguồn cung được cải thiện.
- ❖ **Kỳ vọng giá lợn hơi neo ở mức cao:** Tính đến cuối tháng 6, giá heo hơi trung bình trên cả nước đạt 66.000đ/kg, tăng 33% so với đầu năm chủ yếu là do thiếu hụt nguồn cung sau đợt dịch tả lợn châu Phi bùng phát hồi cuối năm 2023. Chúng tôi kỳ vọng giá lợn tiếp tục neo ở mức cao trong nửa cuối năm 2024 bởi (1) Nhu cầu tăng trở lại khi ngành du lịch dịch vụ tiếp đà hồi phục trong năm 2024; (2) Nguồn cung bị thu hẹp do lo ngại về dịch bệnh
- ❖ **Đầu tư mở rộng công suất đón đầu xu thế:** Dabaco đã đầu tư tăng công suất với hàng loạt các dự án trang trại chăn nuôi quy mô lớn: Dự án chăn nuôi Thanh Hóa (Công suất: 5.600 lợn nái, 77.400 lợn thương phẩm); Dự án lợn giống Dabaco Phú Thọ - giai đoạn 3 (Công suất: 4.800 lợn nái, hơn 70.000 lợn thương phẩm). Tổng công suất 2 dự án tăng gần 25% so với trước đó.

KQKD năm DBC (tỷ đồng)**KQKD quý DBC (tỷ đồng)**

Nguồn: Fiinpro, Agriseco Research tổng hợp

**CTCP Phân bón đầu khí Cà Mau (HOSE: DCM) – Giá mục tiêu 45.000 đồng/cp**

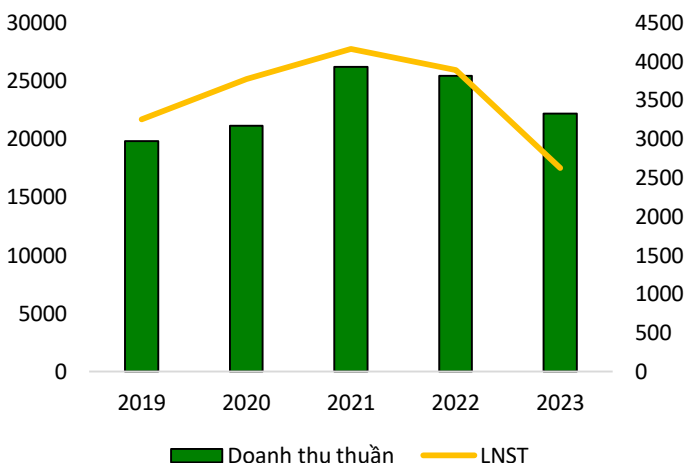
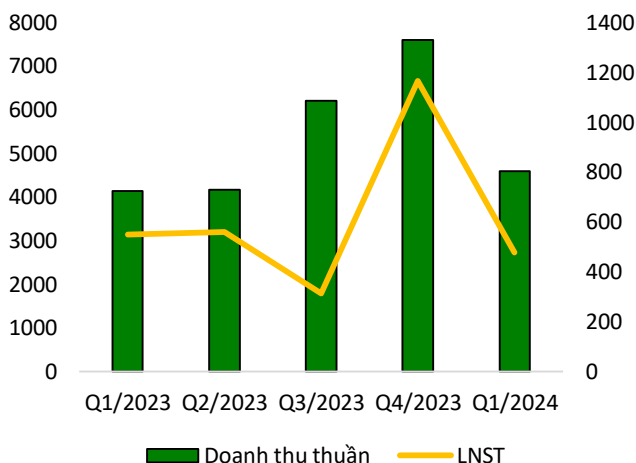
- ❖ **Giá ure dự kiến tăng hỗ trợ biên lợi nhuận gộp doanh nghiệp:** Giá phân bón dự báo sẽ hồi phục nhờ Trung Quốc tiếp tục hạn chế xuất khẩu và nguồn cung thu hẹp ở Indonesia trong khi đó và nhu cầu phân bón tăng cao do tính chất mùa cao điểm cuối năm. Theo Hiệp hội phân bón quốc tế, nhu cầu tiêu thụ phân bón được kỳ vọng sẽ tăng 1,4% svck.
- ❖ **Kỳ vọng biên lợi nhuận cải thiện khi áp dụng mức thuế VAT 5% cho mặt hàng phân bón:** Dự thảo áp dụng mức thuế VAT 5% (thay vì không chịu thuế như hiện nay) sẽ được Bộ Tài chính nghiên cứu và trình Quốc hội vào kỳ họp cuối năm nay. Nếu dự thảo được thông qua, các doanh nghiệp phân bón nói chung và DCM nói riêng sẽ được hưởng lợi nhờ được hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào thay vì trích lập vào chi phí sản xuất kinh doanh.
- ❖ **Nhà máy Đạm Cà Mau hết khấu hao từ quý 4/2023 hỗ trợ biên lợi nhuận của doanh nghiệp:** Năm 2023, chi phí khấu hao nhà máy hàng năm khoảng 1.083 tỷ đồng giảm 22,5% so với năm trước nhờ nhà máy hết khấu hao từ quý 4/23. Năm 2022, chi phí khấu hao nhà máy khoảng 1.300 tỷ đồng (khoảng 30% LNST doanh nghiệp). Chi phí khấu hao sẽ giảm đáng kể từ Q4/2023 giúp hỗ trợ doanh nghiệp giảm chi phí sản xuất từ đó cải thiện lợi nhuận kể từ năm 2024.

KQKD năm DCM (tỷ đồng)**KQKD quý DCM (tỷ đồng)**

Nguồn: Fiinpro, Agriseco Research tổng hợp

**Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (HOSE: GVR) – Giá mục tiêu: 40.000 đồng/cp**

- ❖ **Triển vọng tích cực từ mảng cao su nhờ giá cao su duy trì ở mức cao:** Mảng kinh doanh mủ cao su chiếm 80% tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu. Trong năm 2024, giá cao su được dự báo duy trì ở mức cao do nguồn cung hạn chế giúp doanh thu mảng cao su của GVR dự kiến sẽ khởi sắc. Ngoài ra, với diện tích rừng cao su trưởng thành lên tới gần 280.000 ha đã đạt chuẩn xanh hóa, tiềm năng trong mảng tín chỉ carbon của GVR là rất lớn và GVR sẽ đóng vai trò quan trọng trong những bước đầu xây dựng thị trường tín chỉ carbon tại Việt Nam trong giai đoạn 3-5 năm tới.
- ❖ **Mảng BĐS KCN tiềm năng nhờ sở hữu quỹ đất lớn:** Hiện tại, diện tích đất khu công nghiệp của GVR đang có rơi vào khoảng 6.300 ha. Với quỹ đất có khả năng chuyển đổi lớn từ rừng cao su, GVR dự kiến sẽ phát triển thêm các khu công nghiệp với tầm nhìn 2025 là 23.444 ha, tầm nhìn 2050 là 40.000 ha. Hiện nay, GVR đang triển khai đầu tư 8 dự án KCN tại các công ty con, liên kết, trong đó dự án KCN Nam Tân Uyên 3 dự kiến sẽ đi vào hoạt động cho thuê từ năm 2024 kỳ vọng sẽ đóng góp vào KQKD mảng KCN của GVR. Ngoài ra các dự án còn lại KCN Bắc Đồng Phú MR, Nam Đồng Phú MR, Rạch Bắp GDD2, Hiệp Thạnh 1, Minh Long 3 đang tiếp tục trình Thủ tướng xem xét.

KQKD năm GVR (tỷ đồng)**KQKD quý GVR (tỷ đồng)**

Nguồn: Fiinpro, Agriseco Research tổng hợp

**Phụ lục: Biên lợi nhuận gộp các nhóm ngành bị tác động bởi giá hàng hóa**

	Biên LN gộp 2019	Biên LN gộp 2020	Biên LN gộp 2021	Biên LN gộp 2022	Biên LN gộp 2023	Biên LN gộp Q1/2024
Dầu khí	9,15%	6,02%	8,84%	9,26%	10,44%	10,46%
PVD	10,31%	6,29%	9,29%	11%	22%	26%
PVS	7,21%	3,86%	5,46%	6%	5%	7%
GAS	22,56%	17,78%	17,71%	21%	19%	16%
BSR	3,86%	-3,84%	7,62%	10%	7%	4%
PLX	7,47%	8,10%	7,47%	4%	6%	6%
OIL	3,47%	3,91%	5,50%	4%	4%	4%
Nhựa	17,07%	17,78%	13,93%	15,48%	16,43%	12,55%
NTP	30%	29,90%	22,80%	24%	30%	29%
BMP	22,70%	26,50%	15,40%	28%	41%	42%
NHH	12,90%	16,10%	17,40%	17%	15%	20%
AAA	11,23%	10,40%	9,90%	7%	9%	11%
DAG	9,60%	6,50%	5,40%	5%	-5%	-35%
TDP	15,96%	17,26%	12,70%	11%	9%	9%
Xi măng	14,60%	13,45%	12,35%	11,40%	8,08%	4,39%
HT1	16,80%	16,10%	11,60%	10%	9%	7%
BCC	14,50%	12,50%	11,30%	10%	4%	4%
BTS	12,50%	10,50%	11,00%	10%	5%	0%
CLH	14,60%	14,70%	15,50%	15%	16%	6%
Hóa chất	21,14%	23,01%	27,20%	34,89%	26,48%	25,13%
DGC	19,77%	23,72%	33,32%	47%	35%	32%
CSV	28,28%	27,16%	26,13%	31%	26%	27%
HVT	15,37%	18,15%	22,15%	27%	18%	16%
Phân bón	15,40%	17,77%	22,65%	25,66%	13,77%	17,00%
DPM	18,25%	22,29%	37,43%	42%	12%	18%
DCM	13,62%	17,42%	28,18%	36%	16%	26%
BFC	12%	13,94%	11,69%	10%	11%	14%
LAS	17,73%	17,41%	13,30%	14%	16%	10%
Thép	8,80%	12,72%	16,29%	5,57%	6,69%	8,73%
HPG	17,57%	20,98%	27,46%	12%	11%	13%
HSG	13,09%	17,21%	16,80%	7%	12%	12%
NKG	2,81%	7,52%	15,16%	6%	6%	11%
POM	1,74%	5,17%	5,75%	-3%	-2%	-1%
Thủy sản	16,03%	12,23%	14,93%	19,39%	11,19%	8,71%
VHC	19,49%	14,42%	19,39%	22%	15%	9%
ANV	23,27%	14,09%	15,84%	27%	10%	10%
MPC	9,91%	10,67%	14,29%	17%	10%	9%
FMC	11,45%	9,73%	10,18%	11%	10%	7%
Chăn nuôi	16,33%	21,21%	14,67%	7,75%	12,55%	17,00%
DBC	16,23%	25,52%	17,14%	8%	10%	11%
MML	16,42%	16,90%	12,19%	7%	15%	23%
Sữa	33,10%	38,94%	36,93%	36,17%	36,41%	35,06%
VNM	47,18%	46,40%	43,14%	40%	41%	42%
MCM	19,02%	31,47%	30,71%	32%	32%	28%

Nguồn: Fiinpro, Agriseco Research tổng hợp



CHƯƠNG TRÌNH ƯU ĐÃI



SẢN PHẨM VAY MARGIN T+10

- ✓ Lãi suất margin ưu đãi **8,9%/năm**;
- ✓ **Miễn phí** giao dịch;
- ✓ Hạn mức dư nợ **500 tỷ đồng**;
- ✓ Đối tượng áp dụng: Tất cả Khách hàng đang sử dụng dịch vụ giao dịch ký quỹ chứng khoán và có đăng ký với Agriseco



GÓI CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI DÀNH RIÊNG CHO CBNV VÀ KH CỦA AGRIBANK

- Đối với CBNV của Agribank đã có tài khoản hoặc mở mới tài khoản tại Agriseco:
 - ✓ Phí giao dịch **0,1%**;
 - ✓ Lãi suất margin ưu đãi **9-10%/năm**;
- Đối với Khách hàng có tài khoản tại Agribank mở mới tài khoản tại Agriseco:
 - ✓ Phí giao dịch **0,1%**;
 - ✓ Lãi suất margin ưu đãi **10%/năm**;



Quét mã và trải nghiệm App AGR MOBI PRO ngay tại:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 tòa nhà Green Diamond, 93 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Tel: (+84 24) 6276 2666

Email: online@Agriseco.com.vn

Web: <https://Agriseco.com.vn/>

CHI NHÁNH MIỀN NAM

179A Nguyễn Công Trứ (2A Phó Đức Chính),
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Tel: (+84 28) 3914 2111

CHI NHÁNH MIỀN TRUNG

Tòa nhà Agribank, số 228 đường 2/9, P.
Hòa Cường Bắc, Q.Hải Châu, TP Đà Nẵng

Tel: (+84 23) 6367 1666

HƠN 220 ĐIỂM CUNG CẤP DỊCH VỤ TẠI CÁC CHI NHÁNH AGRIBANK TRÊN TOÀN QUỐC

KHUYẾN CÁO

Bản tin này (gồm các thông tin, ý kiến, nhận định và khuyến nghị nêu trong bản tin) được thực hiện/gửi với mong muốn cung cấp cho nhà đầu tư thêm các thông tin liên quan đến thị trường chứng khoán. Thông tin nêu trong bản tin được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy, tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo các thông tin nêu trong bản tin này là hoàn toàn chính xác và đầy đủ. Bản tin này được thực hiện/gửi bởi chuyên viên và không đại diện/nhân danh Agriseco. Agriseco không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

